|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  ----------- |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ----------------------------------------------- |

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

**Dự thảo Nghị định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải**

(*trình kèm Tờ trình Chính phủ số /TTr-CP ngày / /2019*)

-----------------------------------------

**I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH VỀ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

**1. Các văn bản quy phạm pháp luật về phí BVMT đối với nước thải**

Luật phí và lệ phí (khoản 3 Điều 18) quy định: Chính phủ quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, hướng dẫn thực hiện thống nhất các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền, trong đó có phí BVMT đối với nước thải.

Thực hiện Luật phí và lệ phí, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí BVMT đối với nước thải (Nghị định 154), có hiệu lực từ ngày 01/01/2017

Trong quá trình thực hiện, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ có ý kiến chỉ đạo tại công văn số 6793/VPCP-KTTH ngày 03/7/2017 của Văn phòng Chính phủ về phí BVMT đối với nước thải như sau: *“Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, địa phương liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nghiêm Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí BVMT đối với nước thải; tổ chức khảo sát thực tế, đánh giá việc thực hiện Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, trên cơ sở đó tổng hợp vướng mắc, khó khăn phát sinh và đề xuất biện pháp xử lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.* Thực hiện chỉ đạo,Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức khảo sát thực tế, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 154/2016/NĐ-CP tại một số tỉnh, thành phố: Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng, Đồng Nai, Bình Dương, Cần Thơ, Ninh Bình, Thanh Hóa, Lào Cai, Vĩnh Phúc và Bắc Ninh.

Ngày 15/01/2019, Bộ Tài chính đã có công văn số 668/BTC-CST báo cáo Thủ tường Chính phủ về tình hình thực hiện thu phí BVMT đối với nước thải và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định 154. Ngày 12/02/2019, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1125/VPCP-KTTH đồng ý với nội dung báo cáo của Bộ Tài chính tại công văn 668/BTC-CST.

**2. Những hạn chế của pháp luật hiện hành**

- Về cơ quan thu phí: Tại Nghị định 154 giaoỦy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng. Tuy nhiên, do phạm vi đối tượng chịu phí nhỏ (chỉ trường hợp tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở các phường tự khoan nước để sử dụng thuộc diện nộp phí); chính quyền cấp xã không có bộ máy chuyên môn về môi trường và không có cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này; do đó, việc thu phí không khả thi, hiệu quả kém, thực tế cơ bản các địa phương không triển khai thu phí được đối với trường hợp này. Vì vậy, cần nghiên cứu điều chỉnh phù hợp.

- Về miễn phí: Một số nội dung quy định về miễn phí tại Điều 5 Nghị định 154 còn chung chung, khó xác định như: *3. Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội; 4. Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch..* Vì vậy, cần nghiên cứu, bổ sung quy định chi tiết hơn về tính phí đối với các trường hợp này.

- Về mức phí cố định: Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 154 quy định: *Cơ sở sản xuất, chế biến có khối lượng nước xả thải dưới 20m3/ngày phải nộp mức phí cố định là 1,5 triệu đồng/năm*.

Qua thực hiện, có nhiều cơ sở sản xuất, chế biến có quy mô và tính chất hoạt động khác nhau, khối lượng nước thải cũng rất khác nhau, nhất là các cơ sở cơ khí, may mặc ... có lượng nước thải ít. Có nhiều cơ sở xả thải dưới 5m3/ngày đêm, trong khi phải nộp cùng mức phí 1,5 triệu đồng/năm như các cơ sở khác là chưa hợp lý.

- Về mức phí biến đổi: Tại khoản 2 Điều 6 Nghị định 154 quy định về công thức tính phí biến đổi căn cứ vào 6 thông số ô nhiễm có trong nước thải bao gồm: Nhu cầu ô xy hóa học, chất rắn lơ lửng, thủy ngân, chì, arsenic và cadmium.

Trong thời gian qua, một số địa phương khi triển khai thực hiện đã yêu cầu các doanh nghiệp phải lấy mẫu phân tích đủ 06 thông số ô nhiễm để xác định số phí phải nộp.

Nhiều doanh nghiệp phản ánh yêu cầu phải lấy mẫu phân tích đủ 06 thông số ô nhiễm là không phù hợp, vì trên thực tế và theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của Bộ TNMT thì không phải ngành nghề, lĩnh vực nào cũng xả nước thải có chứa kim loại nặng (thủy ngân, chì, arsenic và cadmium), vì vậy, việc kê khai và nộp phí đầy đủ đối với các chất gây ô nhiễm nêu trên gây tốn kém và tăng thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và cơ quan thu phí.

**3. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng Nghị định**

- Nội dung của Nghị định phải phù hợp với các quy định của Luật phí và lệ phí, Luật BVMT và các Luật liên quan;

- Bảo đảm rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với thực tế, bảo đảm tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế;

- Kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp; khắc phục những tồn tại, hạn chế; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo quy định về phí BVMT đối với nước thải gắn với khuyến khích thu hút đầu tư, phát triển dự án về thoát nước và xử lý nước thải của các địa phương.

- Đảm bảo cơ sở pháp lý về áp dụng thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, đem lại tiện lợi, giảm thủ tục giấy tờ và thời gian thực hiện cho cả cơ quan thu phí và người nộp phí.

**4. Những nội dung dự kiến quy định trong Nghị định phí BVMT đối với nước thải**

Dự thảo Nghị định về phí BVMT đối với nước thải sẽ tập trung vào các vấn đề chủ yếu, bao gồm: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng chịu phí; (3) Cơ quan thu phí; (4) Người nộp phí; (5) Trường hợp miễn phí; (6) Mức thu, xác định số phí phải nộp; (7) Kê khai, thẩm định và nộp phí; (8) Quản lý và sử dụng phí; (9) Trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan địa phương; (10) Điều khoản thi hành.

**5. Quá trình xây dựng hoàn thiện dự thảo Nghị định**

Theo Chương trình công tác năm 2019 của Chính phủ thì Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ trình Chính phủ dự án Nghị định về phí BVMT đối với nước thải vào tháng 10/2019.

Thực hiện nhiệm vụ trên, Bộ Tài chính đã có công văn số 15900/BTC-CST ngày 20/12/2018 đề nghị UBND các tỉnh, thành phố đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 154.

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 310/QĐ-BTC ngày 28/02/2019 về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự thảo Nghị định về phí BVMT đối với nước thải; trên cơ sở tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 154 và đề xuất, kiến nghị của các địa phương, doanh nghiệp, Bộ Tài chính đã nghiên cứu và xây dựng Dự thảo Nghị định về phí BVMT đối với nước thải. Dự thảo Nghị định đã được gửi xin ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, đã được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH**

**1. Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với hệ thống pháp luật và hệ thống chính sách thuế, phí, lệ phí**

a) Vấn đề đặt ra

Nghị định 154 hiện hành có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017. Qua hơn 2 năm thực hiện đã bộc lộ một số bất cập về đối tượng chịu phí, trường hợp miễn phí, cách tính và thu phí như đã đề cập tại điểm 2 mục I báo cáo này.

b) Phương án đề xuất

Trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp, đồng thời khắc phục triệt để những bất cập, hạn chế của chính sách về phí BVMT đối với nước thải cho phù hợp với thực tiễn mà nhiệm vụ BVMT đặt ra. Dự thảo Nghị định về phí BVMT đối với nước thải được xây dựng nhằm quy định rõ về đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp; quy định cụ thể về mức phí đối với từng đối tượng đảm bảo nguyên tắc người gây ô nhiễm môi trường từ nước thải thì có trách nhiệm nộp phí BVMT; cách tính phí được điều chỉnh theo hướng đơn giản dễ tính, dễ khai nộp. Việc quản lý và sử dụng phí thu được đảm bảo đồng bộ và phù hợp với Luật phí và lệ phí, Luật ngân sách nhà nước và pháp luật về quản lý thuế hiện hành.

c) Tác động dự kiến

Dự thảo Nghị định phí BVMT đối với nước thải sẽ được trình Chính phủ ban hành và thay thế Nghị định 154 tiếp tục là nhiệm vụ mà Chính phủ thực hiện thẩm quyền Quốc hội đã giao trong Luật phí và lệ phí, cụ thể hóa quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2015. Theo đó, người gây ô nhiễm môi trường phải có trách nhiệm đóng góp một phần để hạn chế, khắc phục ô nhiễm đó, từ đó sẽ nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp trong việc hạn chế xả nước thải ô nhiễm ra môi trường, khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến đầu tư, xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải.

Việc quy định cụ thể hơn về thu phí đối với các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung trong Nghị định đảm bảo đồng bộ với các quy định khác của Chính phủ về nông nghiệp, nông thôn (Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm).

Nghị định quy định cụ thể về tính phí BVMT đối với nước thải công nghiệp căn cứ vào 6 thông số gây ô nhiễm có trong nước thải là COD, TSS, Hg, Pb, As và Cd. Tuy nhiên, cũng xác định rõ việc kê khai, thẩm định đối với từng cơ sở xả thải chỉ phải khai nộp phí đối với thông số ô nhiễm nêu trên thực tế có trong nước thải của từng loại hình sản xuất, chế biến để đồng bộ với các quy định của ngành tài nguyên môi trường đã được công bố, quy định trong các VBQPPL cụ thể. Như vậy sẽ đảm bảo kết nối và thống nhất giữa công tác thu phí và quản lý chuyên ngành về môi trường đối với nước thải.

**2.** **Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với kinh tế-xã hội**

a) Vấn đề đặt ra

Chính sách phí BVMT đối với nước thải là công cụ quan trọng của Nhà nước góp thêm nguồn kinh phí phục vụ cho nhiệm vụ thu gom, xử lý nước thải, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường do đối tượng này gây ra. Mặc dù số thu từ phí BVMT đối với nước thải còn hạn chế (năm 2016 thu đạt khoảng 1.287 tỷ đồng; năm 2017 đạt khoảng 2.102 tỷ đồng) nhưng khoản thu này góp phần tích cực cho các địa phương chi cho nhiệm vụ đầu tư, bảo vệ môi trường.

Mặt khác, hiện nay nhiều địa phương muốn đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung nhưng do chưa có nguồn lực nên rất cần có cơ chế khuyến khích để thu hút các nguồn vốn khác đầu tư vào các dự án này.

Đồng thời việc thu phí cũng tính đến chính sách xã hội đối với các hộ gia đình, cá nhân tự khai thác nước sử dụng xả thải ra môi trường.

b) Phương án đề xuất

Dự thảo Nghị định quy định:

- Không thu phí đối với nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng;

- Bỏ quy định miễn phí đối với: Nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;

- Chia nhỏ hơn mức phí cố định áp dụng đối với cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải dưới 20 m3/ngày đêm như sau:

+ Từ 10 m3/ngày đêm đến dưới 20m3/ngày đêm: 2.000.000 đồng/năm;

+ Từ 5 m3/ngày đêm đến dưới 10 m3/ngày đêm: 1.500.000 đồng/năm;

+ Dưới 5 m3/ngày đêm: 1.000.000 đồng/năm.

c) Tác động dự kiến

Thứ nhất, việc không thu phí đối với nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng là chính sách nhân văn, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của hộ gia đình, cá nhân còn khó khăn phải sử dụng nguồn nước tự khai thác. Không tạo thêm gánh nặng về tài chính khi các đối tượng này có điều kiện thu nhập thấp và đây là trách nhiệm chia xẻ của xã hội.

Thứ hai, bỏ quy định miễn phí đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội sẽ đem lại tác động tích cực cho các công ty nước sạch hoạt động tại địa phương, vì hiện nay đang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tự chủ trong sản xuất kinh doanh nước sạch (trước đó là theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên – Doanh nghiệp công ích của Nhà nước). Theo đó, đơn vị tự xây dựng thang, bậc giá bán nước sạch theo nguyên tắc bù chéo giữa các đối tượng sử dụng nước như: hộ gia đình, cá nhân (không kinh doanh) áp dụng mức giá thấp giá thành sản xuất (phải bù lỗ); tổ chức và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ khác áp dụng mức giá cao hơn giá thành sản xuất (có lãi). Mức giá này đều được UBND cấp tỉnh phê duyệt trước khi áp dụng.

Như vậy, thực tế ngân sách địa phương không cấp bù giá bán nước sạch sinh hoạt cho công ty nước sạch mà bản thân các đơn vị này đang tự cân đối giá bán giữa các đối tượng khác nhau để bù đắp chi phí và đảm bảo an sinh xã hội.

Thứ ba, quy định chia nhỏ hơn mức phí cố định áp dụng đối với cơ sở sản xuất, chế biến có tổng lượng nước thải dưới 20 m3/ngày đêm sẽ đảm bảo công bằng giữa các đối tượng xả thải và phù hợp với nguyên tắc gây ô nhiễm môi trường ít thì nộp phí ít và ngược lại.

**3.** **Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với công dân, doanh nghiệp**

a) Vấn đề đặt ra

Phí BVMT đối với nước thải tác động hầu hết đối với mọi người dân và doanh nghiệp, vì mọi tổ chức, cá nhân đều có sử dụng nước cho các hoạt động sản xuất, chế biến và sinh hoạt thải ra môi trường hàng ngày. Vì vậy, đây là trách nhiệm xã hội và việc thu khoản phí này phải đảm bảo một phần nâng cao ý thức BVMT.

b) Phương án đề xuất

Dự thảo Nghị định quy định:

- Đối với các cơ sở sản xuất, chế biến khó hoặc không khả thi trong thực tiễn về theo dõi khối lượng nước thải xả ra môi trường hàng ngày (như: cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sả sản xuất trong các làng nghề …) chỉ nộp phí cố định, không phải kê khai, nộp phí biến đối;

- Đối với người dân, hộ gia đình xả nước thải vào hệ thống thoát nước thì không phải nộp phí BVMT đối với nước thải.

c) Tác động dự kiến

Nghị định được ban hành với quy định trên sẽ tạo thuận tiên cho các doanh nghiệp sản xuất, chế biến do đặc thù mà khó hoặc không thể theo dõi khối lượng nước thải ra hàng ngày, nếu chỉ phải nộp một khoản phí cố định 1 lần/năm sẽ đảm bảo đơn giản, dễ thực hiện hơn cho doanh nghiệp và cơ quan thu và tăng hiệu quả thu phí.

Người dân, hộ gia đình xả nước thải vào hệ thống thoát nước không phải nộp phí BVMT đối với nước thải sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại địa phương, giảm tải gánh nặng của ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ này.

**4.** **Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với tổ chức thu phí**

a) Vấn đề đặt ra

Tại Điều 3 Nghị định 154 quy định: Cơ quan thu phí BVMT đối với nước thải gồm: ...Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng. Tuy nhiên, thực tế các địa phương chưa tổ chức thu phí được đối với đối tượng này vì chính quyền cấp xã không có bộ máy chuyên môn về môi trường và không có cán bộ chuyên trách thực hiện nhiệm vụ. Trong khi nhiều tổ chức kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng và thải ra môi trường có gây ô nhiễm rất đáng kể nhưng không thu được phí.

b) Phương án đề xuất

Thực tế các đối tượng là cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng cho mục đích sinh hoạt là rất ít hoặc có thì thuộc địa bàn xã nông thôn, khu vực chưa có hệ thống nước sạch. Số còn lại tại các địa bàn phường, thị xã thuộc quận tự khai thác nước sinh hoạt là không đáng kể. Vì vậy, quy định tổ chức thu phí đối với trường hợp này là không mang lại hiệu quả thu, cần bỏ để phù hợp với tình hình thực tế.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định bổ sung quy định Sở TNMT chịu trách nhiệm tổ chức thu phí đối với các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng.

c) Tác động dự kiến

Dự thảo Nghị định quy định bỏ trách nhiệm tổ chức thu phí của UBND xã, phường, thị trấn đối với cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng cho mục đích sinh hoạt sẽ giảm gánh nặng về trách nhiệm của chính quyền cấp cơ sở để tập trung cho nhiệm vụ khác, vì việc này vượt qúa khả năng tổ chức năng chuyên môn của đơn vị.

Quy định thêm nhiệm vụ thu phí của Sở TNMT cấp tỉnh đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng và thải ra môi trường sẽ đảm bảo bao quát, không bỏ sót đối tượng gây ô nhiễm.

**5.** **Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với thu NSNN**

a) Vấn đề đặt ra

Trong các năm vừa qua, ngân sách nhà nước luôn cân đối chi hoạt động sự nghiệp môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước theo đúng Quyết định số 32/2005/QĐ-TTg ngày 22/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về BVMT trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con số này tương đương 13.880 tỷ dự toán chi sự nghiệp BVMT năm 2017 (khoảng 1% tổng chi ngân sách nhà nước), trong khi thu ngân sách từ phí BVMT các năm: 2016 mới đạt khoảng 1.287 tỷ đồng; năm 2017 đạt khoảng 2.102 tỷ đồng. Số thu này mới đáp ứng một phần yêu cầu BVMT từ nước thải gây ra (phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường; tổ chức thực hiện các giải pháp, phương án công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải), mà chưa có nguồn để xử lý nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.

b) Phương án đề xuất

Với mục tiêu kiểm soát tốt hơn nguồn ô nhiễm môi trường từ nước thải và góp phần tạo nguồn thu ngân sách chi cho nhiệm vụ BVMT, dự thảo Nghị định có điều chỉnh quy định một số nội dung sau:

- Tăng mức phí cố định từ 1,5 triệu đồng/năm lên 2 triệu đồng/năm đối với các cơ sở xả thải từ 20m3/ngày đêm;

- Các ơ sở khác có tổng lượng nước thải dưới 20 m3/ngày đêm nộp mức phí cố định theo khối lượng nước thải như sau:

Từ 10 m3/ngày đêm đến dưới 20m3/ngày đêm: 2.000.000 đồng/năm;

Từ 5 m3/ngày đêm đến dưới 10 m3/ngày đêm: 1.500.000 đồng/năm;

Dưới 5 m3/ngày đêm: 1.000.000 đồng/năm.

- Giao nhiệm vụ thu phí cho các Sở TNMT ở địa phương thu phí đối với các tổ chức kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng tương tự như cơ chế thu phí đối với nước thải sinh hoạt.

- Áp dụng mức phí riêng đối với nhóm cơ sở rửa, sửa chữa ô tô, xe máy.

c) Tác động dự kiến

- Cơ bản không điều chỉnh tăng mức thu phí, do đó cơ bản số thu NSNN không tăng. Dự thảo Nghị định chỉ phân nhóm lại đối tượng chịu mức phí cố định đảm bảo công bằng hơn trong việc áp dụng mức phí đối với từng nhóm đối tượng xả thải, đối với các cơ sở có lượng xả thải thấp dưới 20m3/ngày đang rất khó thu vì phải nộp chung một mức phí cố định1,5 triệu/năm dẫn đến phản ứng của đối tượng này là không nộp, nhất là các cơ sở nhỏ lẻ trong các làng nghề, hoặc có quy mô hộ gia đình là không thu được.

Như vậy, việc quy định đóng phí cố định theo các mức khác nhau áp dụng đối với cơ sở xả thải dưới 20m3/ngày sẽ đảm bảo tính khả thi, bình đẳng hơn trong nghĩa vụ nộp phí của từng nhóm đối tượng xả thải, góp phần tăng thu ngân sách từ đối tượng này.

- Về các tổ chức kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng: dự thảo Nghị định quy định giao nhiệm vụ thu phí cho các Sở TNMT ở địa phương thu phí đối với các tổ chức kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước để sử dụng tương tự như cơ chế thu phí đối với nước thải sinh hoạt sẽ bao quát đối tượng chịu phí và sẽ có tác động tích cực đối với ngân sách địa phương từ quy định mới này.

- Về cơ sở rửa, sửa chữa ô tô, xe máy bị áp dụng riêng mức phí thay vì tính chung theo tỷ lệ % trên giá bán nước sạch sinh hoạt đầu vào dự kiến sẽ làm tăng số thu phí từ đối tượng này tại địa phương.

**7.** **Đánh giá tác động của dự thảo Nghị định đối với cải cách thủ tục hành chính**

- Dự thảo Nghị định quy định rõ về áp dụng thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Theo đó, trường hợp cơ quan thu phí cung cấp dịch vụ công trực tuyến (kê khai, nộp phí qua mạng) theo quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ thì doanh nghiệp nộp phí không phải thực hiện khai nộp thủ công. Điều này đem lại tiện lợi, giảm thủ tục giấy tờ và thời gian thực hiện cho cả cơ quan thu phí và người nộp phí.

- Dự thảo Nghị định bỏ quy định khai phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt của cơ quan thu phí là đơn vị cung cấp nước sách với cơ quan chức năng của địa phương và thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại pháp luật về quản lý thuế. Điều này sẽ đảm bảo tránh chồng chéo, đồng bộ về mặt áp dụng VBQPPL.

- Ngoài ra, dự thảo cũng quy định cụ thể đối với các cơ sở thuộc đối tượng nộp phí nước thải công nghiệp có khối lượng nước thải từ 20m3/ngày sẽ không phải lấy mẫu phân tích, kê khai đối với các thông số kim loại nặng không có trong nước thải theo quy chuẩn công bố của Bộ Tài nguyên và Môi trường, từ đó sẽ giảm thủ tục, giảm chí phí và đơn giản hơn trong kê khai nộp phí của cơ sở và dễ theo dõi hơn cho cơ quan thu phí.

**BỘ TÀI CHÍNH**